

QUÁ TRÌNH CỤ THỂ HÓA TUYÊN NGÔN GIẢI PHÓNG NÔ LỆ Ở MỸ (1863- 1877)

THE PROCESS OF CONCRETIZING THE DECLARATION OF SLAVERY EMANCIPATION IN
AMERICA (1863- 1877)

Nguyễn Văn Sang, Hoàng Thị Chi
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
Email: nguyenvansang168@gmail.com

TÓM TẮT

Nghiên cứu lịch sử nước Mỹ thời cận đại, hầu hết các nhà sử học thừa nhận chế độ nô lệ kết thúc khi Tuyên ngôn giải phóng nô lệ ra đời (1863) hay cuộc nội chiến (1861 - 1865) chấm dứt. Từ những tư liệu tiếp cận được, các tác giả cho rằng thời điểm trên là chưa phản ánh đầy đủ bản chất thực sự của vấn đề nô lệ, giải phóng nô lệ ở Mỹ thời kỳ hậu nội chiến và tái thiết. Vì thế, bài viết của các tác giả nhằm khẳng định lại ba vấn đề: *một là*, khẳng định thời điểm kết thúc thực sự của chế độ giải phóng nô lệ ở nước Mỹ; *hai là*, chính sách của nước Mỹ đối với vấn đề nô lệ từ pháp lý đến thực tiễn; *ba là*, tác động của quá trình thực hiện Tuyên ngôn giải phóng nô lệ đối với nước Mỹ kể từ hậu nội chiến đến tái thiết.

Từ khóa: Mỹ; nô lệ; tái thiết; chính sách; giải phóng; quá trình.

ABSTRACT

Studying America's contemporary history, most historians have recognized that the slavery system ended when the Declaration of Slavery Emancipation was introduced (1863) or when the Civil War ended (1861-1865). Through the approached documentaries, it is believed that the above mentioned time has not fully reflected the truth of slavery, and the slavery liberation in American in the periods of Post-Civil War and Reconstruction. Therefore, this paper reaffirms three points: The first point is confirming the real time of ending slavery in America; second is the policies of America on slavery and the third point is the impacts of the process of implementing the Declaration of Slavery Emancipation on America from the Post-Civil War to Reconstruction period.

Key words: America; slavery/slaves; reconstruction; policies; liberation, process.

1. Đặt vấn đề

Chế độ nô lệ ở nước Mỹ xuất hiện đồng thời với lịch sử khai mở các tiểu bang miền Nam Bắc Mỹ. Lịch sử nước Mỹ kể từ khi lập quốc đã khẳng định, chế độ nô lệ có vai trò quan trọng, góp phần đáng kể trong phát triển kinh tế, mở rộng lãnh thổ, là tiền đề của quá trình công nghiệp buổi đầu ở nước Mỹ. Tuy nhiên, chế độ nô lệ cũng chính là nguyên nhân chia rẽ tôn giáo, cắt đứt mối ràng buộc chính trị giữa các khu vực và làm tan rã những mối quan hệ trong phạm vi liên bang [1, tr.14]. Cho đến trước nội chiến, nước Mỹ có khoảng ba triệu nô lệ da đen ở các tiểu bang miền Nam, chưa kể 450.000 nô lệ ở các bang Delaware, Kentucky, Maryland, Missouri; 270.000 nô lệ rải rác ở các tiểu bang Louisiana, Virginia, vì vậy

cuộc đấu tranh đòi giải phóng nô lệ kéo dài, liên tục kể từ khi lập quốc. Cuộc nội chiến (1861 - 1865) là biểu hiện đỉnh cao của cuộc đấu tranh về vấn đề nô lệ, trong đó có sự ra đời của bản Tuyên ngôn giải phóng ngày 1 tháng 1 năm 1863 của Tổng thống Lincoln. Với nhiều nhà nghiên cứu, dấu mốc ra đời bản tuyên ngôn này đã kết thúc hoàn toàn chế độ nô lệ ở Mỹ và bước vào giai đoạn bình quyền đối với những người da đen. Nhưng trên thực tế chế độ nô lệ phải chấm dứt trong một thời kỳ dài sau đó với quá trình đấu tranh quyết liệt trong toàn Liên bang Mỹ.

2. Nội dung

2.1. Về thời điểm Tuyên ngôn giải phóng nô lệ được thực thi ở nước Mỹ

Ngay khi cuộc nội chiến vừa mới bùng nổ

và đang diễn ra quyết liệt giữa hai miền Nam Bắc, ngày 1 tháng 1 năm 1863, Tổng thống Abraham Lincoln đã công bố bản Tuyên ngôn giải phóng nô lệ. Nội dung Tuyên ngôn khẳng định quyền tự do của nô lệ trên toàn Liên bang và ở các tiểu bang miền Nam trung thành với Liên bang: “*Các nhà cầm quyền hành pháp của Hiệp chúng quốc, gồm cả nhà cầm quyền quân sự và hải quân, sẽ công nhận và duy trì tự do cho những người đó (người nô lệ - TG), không được có một hay những hành động nào đàn áp những người đó và phải cố gắng tạo cho những người đó một sự tự do thực sự*” [4, tr.204]. Với nội dung đó, một số nhà nghiên cứu cho rằng, Tuyên ngôn giải phóng nô lệ đã góp phần “*tiêu diệt chế độ nô lệ ở miền Nam, góp phần giải phóng thân phận người Mỹ da đen trên phương diện pháp lý*” [2, tr.215]. Ở khía cạnh khác, một số nhà nghiên cứu cho rằng, cùng với Tuyên ngôn giải phóng, cuộc nội chiến (1861 - 1865) kết thúc đã chấm dứt sự tồn tại của chế độ nô lệ đã tồn tại trong lịch sử nước Mỹ. Tuy nhiên, những đánh giá trên của các nhà nghiên cứu chưa phản ánh đầy đủ bản chất thực sự của vấn đề giải phóng và quyền của người nô lệ.

Thực tế cho thấy, mặc dù Tuyên ngôn đã khẳng định việc giải phóng đối với nô lệ, thế nhưng ngay cả trong nội bộ chính quyền Liên bang, việc giải phóng nô lệ vẫn chưa chính thức được thừa nhận. Andrew Johnson - Thống đốc quân sự của chính quyền Liên bang, sau năm 1865 thay thế Abraham Lincoln giữ chức Tổng thống nước Mỹ đã nói việc đấu tranh chống chế độ nô lệ ở bang Tennessee là xuất phát từ căm ghét liên minh chủ nô miền Nam chứ không phải từ căm tình hay mục đích xóa bỏ chế độ nô lệ da đen: “*Thầy kệ bọn người da đen; tôi chỉ đánh bọn quý tộc phân trặc, chủ nhân của chúng*” [1, tr.39]. Điều này cho phép khẳng định, chính sách giải phóng của Lincoln đến thời điểm này chưa nhận được sự đồng thuận trong giới cầm quyền và không được chính quyền Liên bang hướng vào việc giải phóng nô lệ thực sự. Hơn nữa, kể từ khi Tuyên ngôn giải phóng nô lệ ra đời cho đến kết

thúc nội chiến và giai đoạn đầu của thời kỳ tái thiết vấn đề tự do của người nô lệ chưa được thi hành trên thực tiễn. Bên cạnh đó, mặc dù tuyên bố tự do, nhưng các quyền của nô lệ vẫn chưa được thực thi như quyền bầu cử, quyền bình đẳng với người da trắng, quyền tự do về kinh tế. Chỉ tính từ 1865 đến 1868 đã xảy ra khoảng 1.000 vụ giết hại dân da đen vì những lý do rất vớ vẩn như: không giờ mũ khi gặp người da trắng; không giấu ly rượu đang cầm tay khi có người da trắng bước vào phòng;... [1, tr.87]. Người da đen tiếp tục không được đối xử bình đẳng với người da trắng trong suốt một thời gian dài.

Từ những vấn đề đó có thể khẳng định rằng thời điểm chế độ nô lệ kết thúc ở nước Mỹ không phải là mốc ra đời của bản Tuyên ngôn giải phóng hay cuộc nội chiến kết thúc hoặc là kết hợp kết quả của hai sự kiện trên. Trên cơ sở tiếp cận tư liệu, chúng tôi cho rằng, thời điểm kết thúc thực sự chế độ nô lệ trong lịch sử nước Mỹ phải là năm 1867 khi lịch sử tái thiết nước Mỹ bước vào giai đoạn cuối của thời kỳ tái thiết. Quan điểm của chúng tôi dựa trên các cứ liệu sau:

Một là, cơ sở pháp lý của việc giải phóng nô lệ kể từ sau năm 1867 đã được xây dựng hoàn chỉnh và được thừa nhận trong Hiến pháp của Liên bang Mỹ như: *Bản tuyên bố tạm thời giải phóng nô lệ (1862), Tuyên ngôn giải phóng nô lệ (1863), Đạo luật Tái thiết (1867)*. Hệ thống các văn bản này cho phép khẳng định quyền của nô lệ từ tự do, giải phóng đến được hưởng bình đẳng với người da trắng trong chính sách của Liên bang.

Hai là, đến năm 1867, người da đen mới được hưởng quyền công dân trên thực tiễn với một trong những biểu hiện cụ thể cao nhất là quyền bầu cử. Ví như, trong Hội nghị lập hiến ở miền Nam từ 1867 đến 1869 người da đen tham gia với số lượng đông đảo: “*có nhiều đại diện da đen nhất là các bang Louisiana và Nam Carolina; tiếp đến là bang Florida với 40% là người da đen*” [1, tr.160]. Từ đây “*người nô lệ cũ giờ đây có thể đứng ngang vai với người da trắng*” [1, tr.148].

Ba là, người da đen được tham gia vào hệ

thống chính quyền tiểu bang và chính quyền Liên bang. Chỉ sau khi Đạo luật tái thiết đi vào thực tiễn, người da đen đã tham gia ngày càng đông đảo hơn vào chính quyền tiểu bang và Liên bang. Theo thống kê, chỉ tính năm 1867 người da đen có 41 đại biểu trong các kỳ đại hội hiến pháp của tiểu bang, 60 nhà lập pháp, ba phó thống đốc tiểu bang và bốn vị dân biểu quốc hội. Đây chính là sự kiện quan trọng trong nền hành chính của Liên bang Mỹ và là một sự kiện quan trọng trong lịch sử người da đen ở Mỹ kể từ thời kỳ lập quốc.

Với những biện pháp kể trên, có thể khẳng định đến năm 1867, khi mà *Đạo luật Tái thiết* ra đời, quyền của người da đen được thực thi trên cả phương diện pháp lý và thực tiễn. Người da đen ngày càng có vị trí quan trọng trong chính quyền Liên bang và sự phát triển của nước Mỹ thì chế độ nô lệ kết thúc.

2.2. Về chính sách, biện pháp thực hiện Tuyên ngôn giải phóng nô lệ ở Mỹ

Tổng thống Abraham Lincoln khẳng định chế độ nô lệ chính là căn nguyên sâu xa và trực tiếp của cuộc nội chiến. Thế nên, việc giải quyết vấn đề nô lệ được xem là nhiệm vụ cần kíp trong suốt giai đoạn hậu kỳ nội chiến thông qua các chính sách, để vừa đảm bảo lợi ích của Liên bang, vừa đảm bảo sự ổn định của các tiểu bang miền Nam khi mà quan hệ hai miền Bắc - Nam căng thẳng và quyết liệt. Tại mỗi tiểu bang, tình hình càng trở nên phức tạp hơn, trường hợp ở bang Louisiana, miền Nam nước Mỹ là một ví dụ: “...*Chẳng những đám nô lệ da đen từ chối làm việc mà chúng còn dựng những giá treo cổ ở các khu, nói rằng được mệnh lệnh đuổi cổ chủ nhân khỏi đồn điền, treo cổ họ thì sẽ được tự do*” [1, tr.15]. Tình thế đó là yêu cầu cần thiết để thúc đẩy giới cầm quyền Liên bang, đứng đầu là Lincoln cho ra đời một chính sách hoàn toàn mới về vấn đề nô lệ so với giai đoạn đầu của lịch sử nước Mỹ.

Nhận thấy nô lệ là một dư âm của lịch sử nước Mỹ kể từ khi lập quốc, là một lực lượng quan trọng và cần thiết cho miền Bắc trong cuộc chiến với các tiểu bang miền Nam, chính phủ Liên bang

do Lincoln đứng đầu đã chủ trương ban bố các đạo luật, sắc lệnh về việc xóa bỏ hoàn toàn chế độ nô lệ. Khởi đầu cho ý tưởng này, tháng 3 năm 1862, Quốc hội Liên bang đã thông qua *Luật tịch thu thứ nhất* cấm quân đội không được trao trả những kẻ trốn chạy về cho chủ cũ. *Luật tịch thu thứ hai*, giải phóng những người nô lệ sống trên vùng đất quân đội Liên bang chiếm đóng hoặc đã chạy đến đất của Liên bang nếu người chủ cũ bắt trung thành [1, tr.17]. Trên cơ sở hai đạo luật tịch thu, cuối tháng 9 năm 1862, Bản tuyên bố tạm thời bãi bỏ nô lệ được công bố tạo bước chuyển căn bản cho sự ra đời của Bản tuyên bố giải phóng nô lệ ngày 1 tháng 1 năm 1863 của Tổng thống Abraham Lincoln. Nội dung Tuyên ngôn khẳng định: “*Mọi người bị giữ làm nô lệ trong các tiểu bang hay các phần lãnh thổ của một tiểu bang, những người đã nổi loạn chống lại Hiệp chúng quốc, từ nay về sau và mãi mãi sẽ được giải phóng*” [4, tr.203 - 204], “*sẽ được tự do và rằng ngành hành pháp của chính phủ Hiệp chúng quốc gồm cả những quyền lực lục quân và hải quân sẽ công nhận và duy trì sự tự do của những người kể trên*” [4, tr.205]. Đây là một dấu mốc quan trọng khẳng định tiến trình giải phóng nô lệ của chính phủ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Ở trong phạm vi các tiểu bang, chính quyền còn thực thi một số chính sách bình quyền giữa người da đen với người da trắng. Những nô lệ da đen được giải phóng được chính quyền Liên bang thừa nhận và được hưởng các quyền của công dân Mỹ như quyền bầu cử, quyền làm chứng tại tòa, quyền tham gia vào bộ máy chính quyền,... Năm 1863, California là tiểu bang đầu tiên cho phép dùng nhân chứng người da đen trong xử lý các vụ hình sự. Đến đầu năm 1865, bang Illinois cho phép người da đen được đến cư ngụ tại tiểu bang, làm nhân chứng trong các phiên tòa. Các thành phố như: New York, San Francisco, Cincinnati, Cleveland người da đen được quyền đi tàu điện. Các bang như: bang Ohio bãi bỏ luật kỳ thị với người da đen, bang Massachusetts sửa lại luật thông thoáng hơn với người da đen. Ở cấp độ Liên

bang, về mặt pháp lý phải đến năm 1867, với *Đạo luật tái thiết số 1 (2 - 1867)*, quyền công dân của những người da đen mới được chính quyền công nhận bên cạnh quyền giải phóng mà họ được thừa nhận trước đó: “*Rằng khi nhân dân trong mỗi tiểu bang nổi loạn nói trên đã thành lập được một cơ chế chính quyền phù hợp với Hiến pháp của Hiệp chúng quốc đúng với mọi thể thức, khuôn khổ do một đại hội soạn thảo. Đại biểu gồm đại diện nam công dân của tiểu bang từ 21 tuổi trở lên bầu ra, không phân biệt chủng tộc, màu da hay giai cấp xã hội*” [4, tr.216].

Chính sách giải phóng nô lệ của chính quyền Liên bang đã khiến cho lực lượng người da đen vốn là nô lệ tham gia vào quân đội với số lượng ngày càng lớn. Tại đây, chính phủ Liên bang đã có những chính sách cụ thể để đảm bảo sự cân bằng giữa lực lượng da đen và da trắng. Đầu tiên, chính phủ Liên bang chủ trương thực hiện chính sách xóa mù chữ cho những người da đen và giao cho quân đội trực tiếp tiến hành. Theo đó, từ trong quân đội nhiều người nô lệ trước đây được học đọc, học viết, dưới sự dạy dỗ của các giáo viên thuộc các tổ chức cứu trợ xã hội của miền Bắc thuê mướn, hoặc trong các lớp học hội đoàn giáo dục do chính các binh sĩ tổ chức và tài trợ. Đối với những ai có tài năng và tham vọng, quân đội thực sự đã mở rộng cửa để cho họ được thăng tiến và kính trọng [1, tr.18]. Ở một số tiểu bang, quan hệ dân tộc được thực hiện theo phương thức duy trì sự hòa dịu bằng cách chính quyền cho xây dựng các trường công miễn học phí dành cho cả người da đen và da trắng. Mặt khác để bảo vệ những người nô lệ tự do, chính quyền còn thành lập Cục Phụ trách nô lệ và Cục Vấn đề người tự do nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của những nô lệ vừa mới được giải phóng. Cục Vấn đề người tự do đã tịch thu và quản lý 850 ngàn acres (340 ngàn hecta). Phần đất này được phân chia cho người nô lệ cũ; ngoài ra, các tiểu điền chủ da đen còn được nhân viên Cục Vấn đề người tự do bảo vệ trên phần đất chiếm hữu [1, tr.105]. Các chính sách đó bước đầu mang lại một số lợi ích nhất định cho những người

da đen trong và sau nội chiến.

Chính sách đối với vấn đề nô lệ được chính phủ Mỹ thực thi kể từ những năm đầu của cuộc nội chiến và xuyên suốt thời kỳ tái thiết. Các chính sách đó phản ánh một quá trình đấu tranh lâu dài và phức tạp để đảm bảo quyền từ giải phóng đến bảo vệ quyền, lợi ích của người da đen trên cả hai phương diện pháp lý và thực tiễn. Các chính sách đó đã tác động lớn, làm chuyển biến cục diện cuộc nội chiến và lịch sử nước Mỹ thời kỳ tái thiết.

2.3. Về tác động của quá trình thực thi chế độ nô lệ đối với nước Mỹ

Ngay từ khi lập quốc, lực lượng nô lệ đã giữ vị trí, vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nước Mỹ, thế nhưng nó cũng là nguyên nhân dẫn đến nội chiến, nhân tố thúc đẩy tiến trình tái thiết nước Mỹ. Cho nên, sự tồn tại của vấn đề nô lệ có tác động to lớn đối với lịch sử nước Mỹ kể từ nội chiến đến kết thúc cuộc tái thiết.

Ngay khi vấn đề nô lệ được đề cập đến trong Tuyên ngôn giải phóng đã nhanh chóng tạo nên hiệu ứng trên toàn các tiểu bang miền Nam và Liên bang, góp phần vào sự chuyển biến của cục diện nội chiến. Sự ra đời của Tuyên ngôn đã cho phép tuyển người da đen vào quân đội Liên bang. Quân đội Liên bang đã tuyển mộ và huấn luyện các trung đoàn lính da đen và đội quân này đã chiến đấu xuất sắc trong các trận chiến đấu từ Virginia tới Mississippi. Khoảng 178.000 người Mỹ gốc Phi đã phục vụ trong các binh chủng hỗn hợp của Mỹ và 29.500 người da đen phục vụ trong lực lượng Hải quân Liên bang [6]. Đồng thời, công cuộc giải phóng nô lệ cũng đã giải phóng cao độ lòng dũng cảm hy sinh và năng lực của người da đen. Có nhiều người da đen đã trở thành sĩ quan chỉ huy [3, tr.194]. Nhờ sự tham gia của nô lệ sau giải phóng, cuộc chiến đã kết thúc với sự thắng lợi của miền Bắc và Liên bang, góp phần vào thúc đẩy nhanh quá trình dân chủ hóa và tái thiết nước Mỹ.

Vấn đề nô lệ là một lực cản đối với sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Do đó, vấn đề nô lệ tồn tại và được giải quyết có mối quan hệ khăng khăng hoặc thúc đẩy đối với sự

phát triển của nền kinh tế, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa của nước Mỹ. Vì vậy, vấn đề nô lệ được giải quyết thông qua hệ thống các quyền được phân cấp, phân chia ruộng đất ở miền Tây và đạo luật ruộng đất đã xóa bỏ tạo điều kiện mở rộng con đường nông nghiệp kiểu Mỹ, tạo điều kiện cho sự phát triển đầy triển vọng của nền công nghiệp miền Bắc. Nhờ đó, vào cuối thế kỷ XIX, Mỹ nhanh chóng tiến hành cuộc cách mạng công nghiệp, đưa nước Mỹ lên vị trí hàng đầu trong hệ thống các nước đế quốc tư bản chủ nghĩa [3, tr.194].

3. Kết luận

Như vậy, cuộc nội chiến là một biến động to lớn của lịch sử nước Mỹ ở thập niên 70 của thế kỷ XIX. Nó là sự kiện đấu tranh hai miền Nam - Bắc nhằm hướng đến xây dựng và phát triển một nước

Mỹ dân chủ và tự do hơn. Vấn đề nô lệ được xem là trung tâm của mục tiêu dân chủ hóa nước Mỹ thông qua nội chiến và tái thiết. Nó là một quá trình liên tục, kéo dài và quyết liệt trong chính quyền Liên bang, tiểu bang theo tiến trình đi từ giải phóng, tự do đến bình quyền; từ đấu tranh để khẳng định, thực thi trên pháp lý đến thực quyền trên thực tiễn. Với những vấn đề đó có thể khẳng định lại rằng, chế độ nô lệ trong lịch sử nước Mỹ kết thúc vào năm 1867 ở giai đoạn đầu của thời kỳ tái thiết. Chính việc giải quyết vấn đề nô lệ trong lịch sử có tác động toàn diện đối với nước Mỹ, nó làm chuyển biến cuộc nội chiến, tác động và để lại nhiều vấn đề mà lịch sử nước Mỹ phải giải quyết sau đó. Do đó, vấn đề nô lệ là một nội dung và trung tâm của lịch sử nước Mỹ kể từ hậu nội chiến và xuyên suốt tiến trình thời kỳ tái thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Eric Foner (2008), Phạm Phi Hoành (dịch), *Lược sử nước Mỹ thời kỳ tái thiết 1863 - 1877*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Phan Ngọc Liên (chủ biên), Đào Tuấn Thành, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Mai Phú Phương (2010), *Lịch sử thế giới cận đại*, Tập 1, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [3] Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (2011), *Lịch sử thế giới cận đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Richard B. Morris (1967), *Những tài liệu căn bản về lịch sử Hoa Kỳ*, Việt Nam khảo dịch xã, Sài Gòn.
- [5] William A. Deregorio (2006), *43 đời Tổng thống Hoa Kỳ*, NXB Văn hóa - thông tin, Hà Nội.
- [6] Đại sứ quán Hợp chúng quốc Hoa Kỳ (2013), “*Chương 7: Nội chiến và công cuộc tái thiết*”, http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/doc_ushistory_7.html.